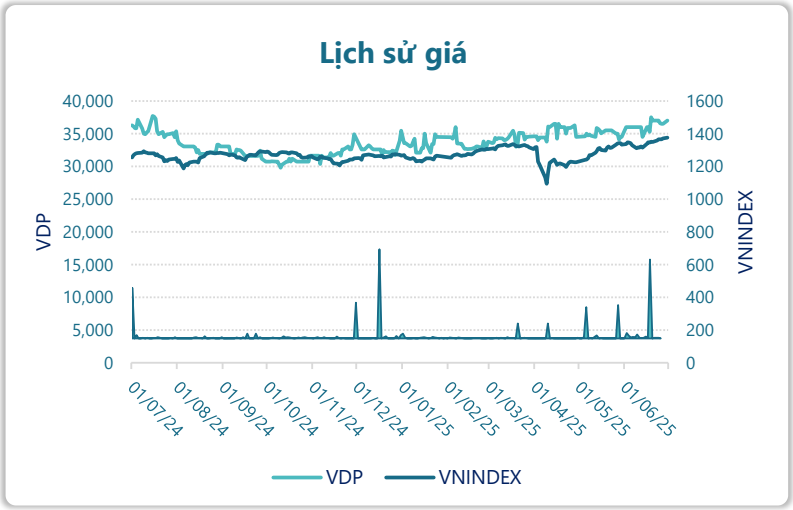
FireAnt

CTCP Dược phẩm Trung ương VIDIPHA (HSX: VDP)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**37,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	37,717
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	29,801
SL cổ phiếu LH	22,083,392
KLGD BQ 20 phiên (CP)	24,374
% sở hữu nước ngoài	0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	817
P/E	11.4
EPS	3,232

DT thuần

Q2/25

265

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 55.0| 26.1%

YoY: ▲ 42.0| 18.7%

LN sau thuế

Q2/25

18.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 4.10| 29.3%

YoY: ▲ 2.60| 16.9%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

9.6%

+/- YoY: ▼ 0.9%

DT thuần

6T 2025

475

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 50.0| 11.9%

LN sau thuế

6T 2025

32.4

tỷ VNĐ

YoY: ▼0.80| -2.5%

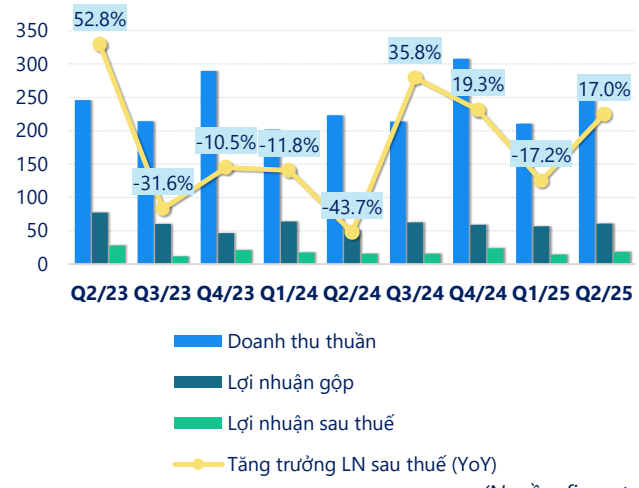
ROE

Q2/25

9.9%

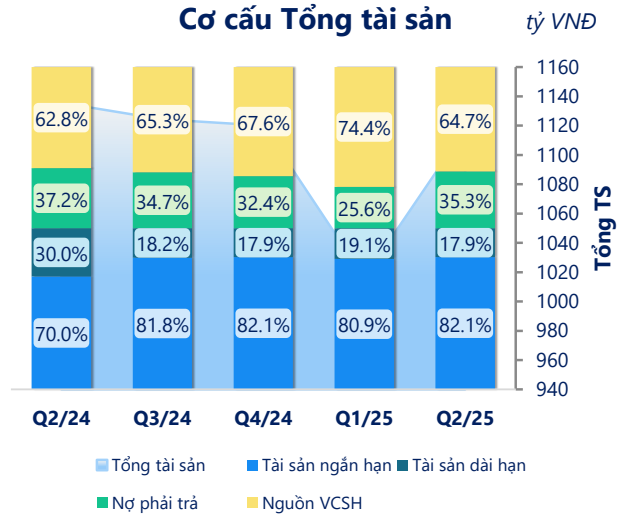
+/- YoY: ▲ 0.2%

Kết quả kinh doanh



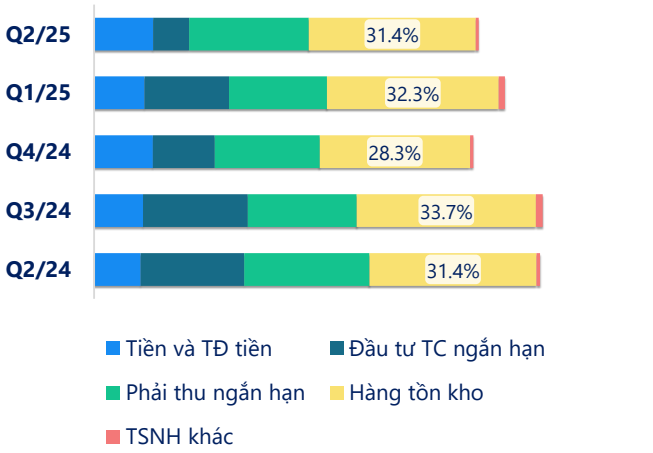
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



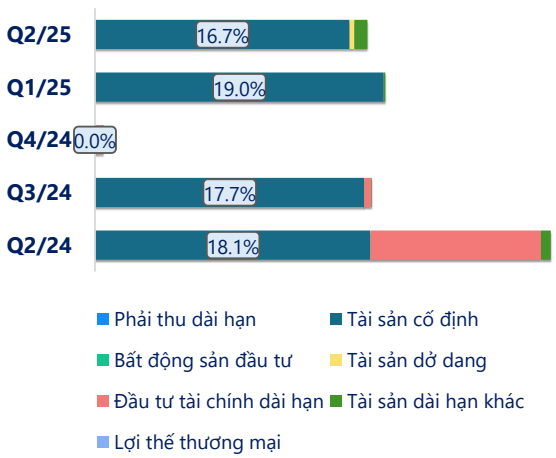
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



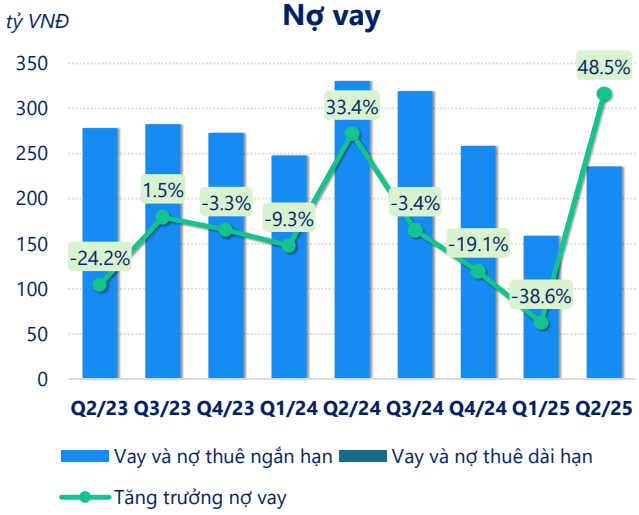
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



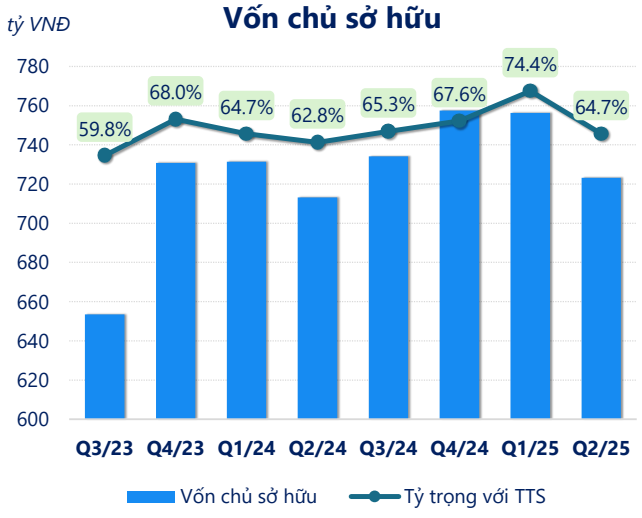
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



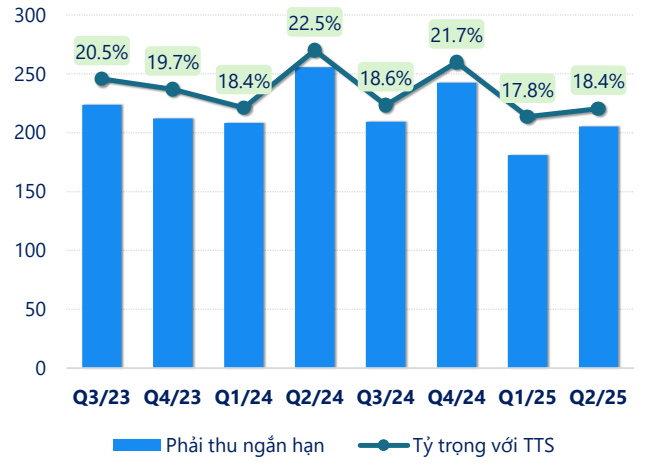
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



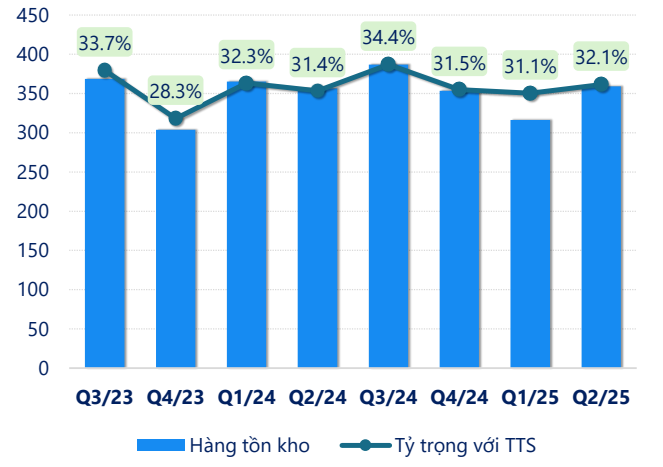
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



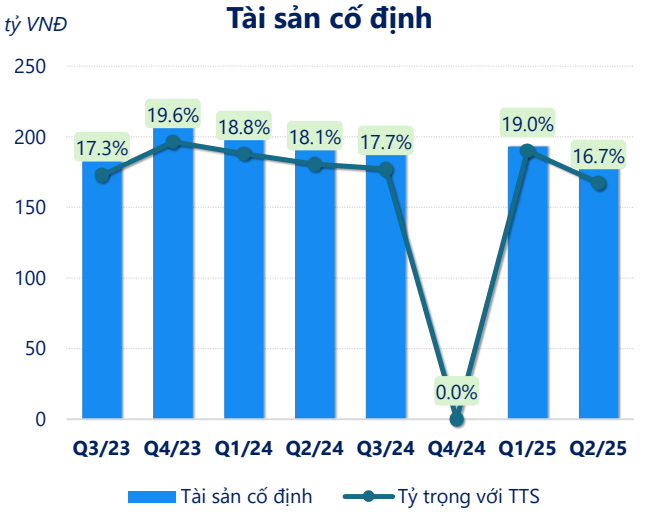
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



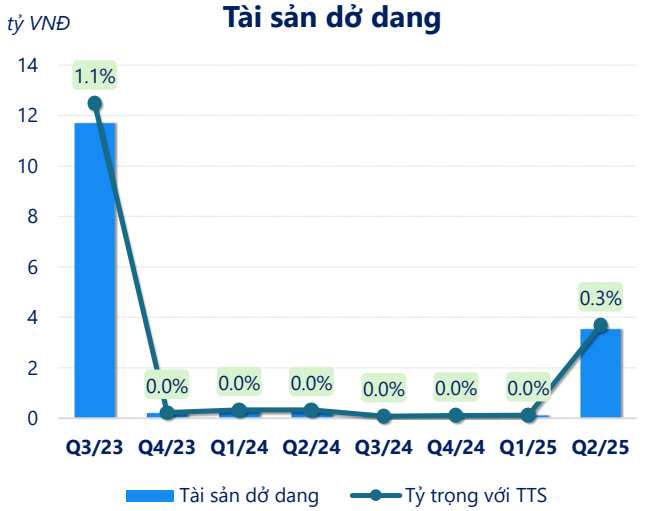
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



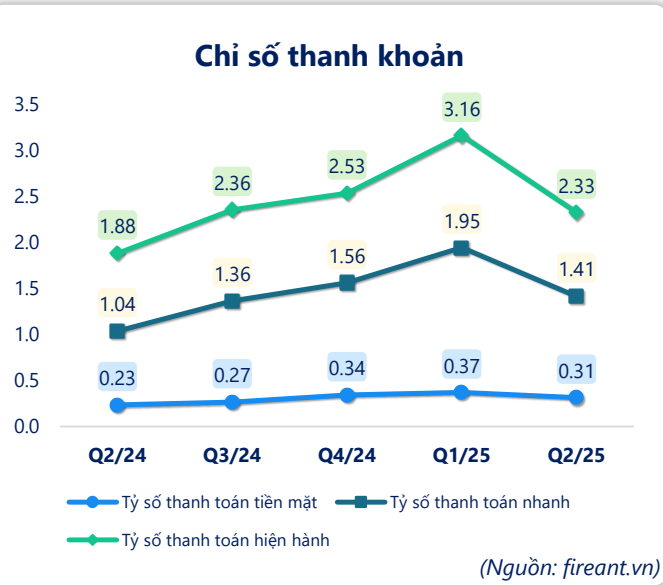
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



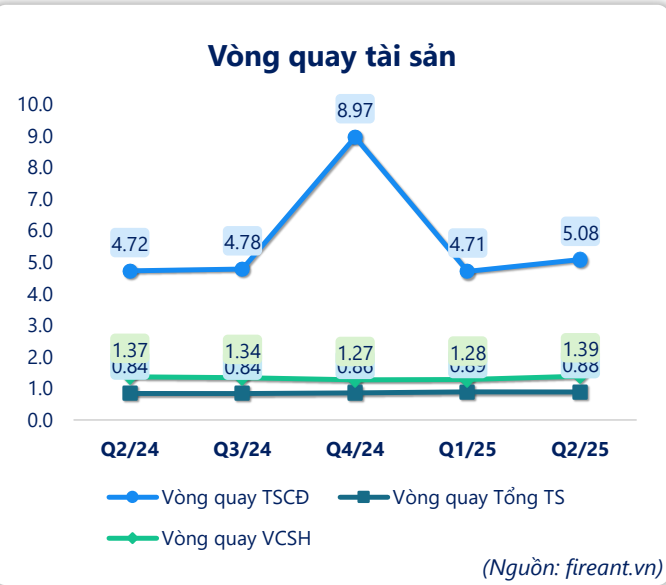
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**1,136**	**1,124**	**1,120**	**1,016**	**1,118**
Tài sản ngắn hạn	**795**	**919**	**919**	**822**	**917**
Tiền và tương đương tiền	99.2	103	124	96.2	124
Đầu tư tài chính ngắn hạn	77.0	201	189	211	222
Phải thu ngắn hạn	256	209	243	181	205
Hàng tồn kho	357	387	353	316	359
Tài sản ngắn hạn khác	6.38	18.8	10.9	17.4	6.33
Tài sản dài hạn	**341**	**205**	**201**	**194**	**200**
Phải thu dài hạn	0.63	0.04	0	0.04	0.30
Tài sản cố định	205	199	0.04	193	187
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.32	0.08	0.11	0.11	3.53
Đầu tư tài chính dài hạn	127	5.00	5.00	0	0
Tài sản dài hạn khác	7.43	0.50	1.18	0.97	9.50
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**422**	**390**	**363**	**260**	**394**
Nợ ngắn hạn	**422**	**390**	**363**	**260**	**394**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	330	319	258	159	236
Phải trả người bán ngắn hạn	39.9	8.58	42.1	65.7	108
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**713**	**734**	**758**	**756**	**723**
Vốn chủ sở hữu	**713**	**734**	**758**	**756**	**723**
Vốn điều lệ	184	221	221	221	221
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)